

Số: 62/2016/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 12 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ  
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), cụ thể như sau:

1. Đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

a) Đối với người buôn bán:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức giá theo hạng chợ (*)		
			Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3
1	Đối với chợ có hộ đặt cửa hàng, cửa hiệu buôn bán cố định, thường xuyên:				

1.1	Đối với quầy, sạp cố định:				
a	Chợ Trung tâm thành phố Đà Lạt	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	60.000	-	-
b	Các chợ còn lại (mức giá áp dụng đối với từng diện tích của quầy, sạp):				
-	Diện tích đến 5 m <sup>2</sup>	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	30.000	25.000	20.000
-	Diện tích từ trên 5 đến 10 m <sup>2</sup>	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	20.000	15.000	10.000
-	Diện tích từ trên 10 m <sup>2</sup>	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	5.000	5.000	5.000
1.2	Không có quầy, sạp cố định:	đồng/người/ngày	6.000	4.000	3.000
2	Đối với chợ có người buôn bán không thường xuyên, không cố định:	đồng/người/ngày	-	4.000	3.000

## b) Đối với xe chở hàng hóa nhập chợ:

Số TT	Nội dung	Mức thu theo hạng chợ (*) (đồng/xe/lần)		
		Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3
1	Xe thô sơ	3.000	2.000	1.000
2	Xe vận tải dưới 01 tấn	5.000	4.000	2.000
3	Xe vận tải từ 1 tấn đến dưới 3 tấn	10.000	8.000	6.000
4	Xe vận tải từ 3 tấn đến dưới 5 tấn	15.000	12.000	10.000
5	Xe vận tải từ 5 tấn đến dưới 7 tấn	20.000	15.000	12.000
6	Xe vận tải từ 7 tấn trở lên	25.000	20.000	15.000

## 2. Đối với chợ đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước:

## a) Đối với người buôn bán:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức giá tối đa
1	Tại Chợ mới Đà Lạt Center (hạng 1)		
-	Đối với quầy, sạp cố định	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	115.000
-	Không có quầy, sạp cố định	đồng/người/ngày	6.000
2	Chợ Trung tâm thành phố Bảo Lộc (hạng 1)		
-	Đối với quầy, sạp cố định	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	63.000
-	Không có quầy, sạp cố định	đồng/người/ngày	6.000
3	Chợ Trung tâm huyện Di Linh (hạng 1)		
-	Đối với quầy, sạp cố định	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	85.000
-	Không có quầy, sạp cố định	đồng/người/ngày	6.000
4	Chợ Đình Lạc, huyện Di Linh (hạng 3)		
-	Đối với quầy, sạp cố định	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	30.000
-	Không có quầy, sạp cố định	đồng/người/ngày	3.000
5	Chợ Bảo Lâm, huyện Bảo Lâm (hạng 2)		
-	Đối với quầy, sạp cố định	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	38.000
-	Không có quầy, sạp cố định	đồng/người/ngày	4.000
6	Chợ Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương (hạng 2)		
-	Đối với quầy, sạp cố định	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	34.000
-	Không có quầy, sạp cố định	đồng/người/ngày	4.000

7	Chợ Phước Cát, huyện Cát Tiên (hạng 3)		
-	Đối với quầy, sạp cố định	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	28.000
-	Không có quầy, sạp cố định	đồng/người/ngày	3.000

b) Đối với xe chở hàng hóa nhập chợ:

Số TT	Nội dung	Mức giá tối đa theo hạng chợ (*) (đồng/xe/lần)		
		Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3
1	Xe thô sơ	3.000	2.000	1.000
2	Xe vận tải dưới 01 tấn	5.000	4.000	2.000
3	Xe vận tải từ 1 tấn đến dưới 3 tấn	10.000	8.000	6.000
4	Xe vận tải từ 3 tấn đến dưới 5 tấn	15.000	12.000	10.000
5	Xe vận tải từ 5 tấn đến dưới 7 tấn	20.000	15.000	12.000
6	Xe vận tải từ 7 tấn trở lên	25.000	20.000	15.000

(\*) Hạng chợ được phân loại theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Chương I Quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 43/2013/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

c) Căn cứ vào tình hình thực tế, các tổ chức, đơn vị quyết định cụ thể mức giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ do tổ chức, đơn vị mình đầu tư nhưng không được vượt quá mức giá tối đa quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều này.


## **Điều 2.**

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.
- Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành, các quy định sau sẽ hết hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 64/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng phí chợ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

b) Quyết định số 69/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc quy định mức thu phí chợ tại chợ Trung tâm thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;

c) Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc quy định mức thu phí chợ tại chợ Trung tâm huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Công thương; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt và thành phố Bảo Lộc; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./-

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT Công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

